

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
NATIONAL AUTHORITY FOR AGRO-FORESTRY-FISHERY QUALITY, PROCESSING
AND MARKET DEVELOPMENT (NAFIQPM)

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
KHU VỰC TRUNG BỘ
MIDDLE REGION AUTHORITY FOR AGRO-FORESTRY-FISHERY QUALITY,
PROCESSING AND MARKET DEVELOPMENT (NAFIQPM-MRA)

Cơ sở/Establishment: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN B-T SEAFOOD - ĐỊA ĐIỂM**
KINH DOANH CÔNG TY TNHH B-T SEAFOOD/ B-T SEAFOOD
CO.,LTD

Mã số/Approval number: **DL 661**

Địa chỉ/Address: **Lô F6, khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh**
Hòa/ Lot F6, Suoi Dau industrial zone, Suoi Tan commune, Cam Lam district,
Khanh Hoa province.

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following product(s)/product group(s):

(Danh mục sản phẩm/nhóm sản phẩm thủy sản trang sau/ *See the list of fishery product(s)/*
product group(s) on next page)

Số cấp/Number: **36/2024/QLCL-CNĐK**

Giấy chứng nhận có hiệu lực 03 (ba) năm kể từ ngày ký/ *This certificate is valid for 03 (three)*
years from date of issue.

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số: **59/2022/CN-CCTB** cấp ngày **09/12/2022/ and replaces the**
certificate No 59/2022/CN-CCTB issued on 09/12/2022.

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 10 năm 2024
Khanh Hoa, 11 October 2024



Lê Tuấn Giang

Chi cục trưởng Chi cục CL, CB và PTTT khu vực Trung Bộ
Director of NAFIQPM - Middle Region Authority

Danh mục sản phẩm/nhóm sản phẩm thủy sản/ The list of fishery product(s)/product group(s):

1. Thủy sản nuôi sống/tươi ướp đá/giữ lạnh/ *Live/Chilled fresh farmed fishery products.*
2. Thủy sản nuôi cấp đông, không xử lý nhiệt, không ăn liền/ *Frozen farmed fishery products, non-heat treated and not ready-to-eat.*
3. Thủy sản khai thác tự nhiên (có mối nguy gắn liền với loài) cấp đông, không xử lý nhiệt, không ăn liền/ *Frozen wild-caught fishery products (with species-related hazards), non-heat treated, not ready-to-eat.*
4. Thủy sản phối chế cấp đông, không xử lý nhiệt, không ăn liền/ *Frozen composite fishery products, non-heat treated, not ready-to-eat*

